TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11-AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 291/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 14-08-2026
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11-AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Công Cẩn và bà Lê Nguyễn Hồng Điệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11- An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11-An Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 14 tháng 08 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11- An Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 533/2026/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 06 năm 2026, về việc "ly hôn, nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 291/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 07 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị P, sinh ngày 05/05/2003; căn cước công dân số 089303008107; địa chỉ: số G, tổ B, ấp M, xã N, tỉnh An Giang; có văn bản xin vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Phan Thanh D, sinh ngày 10/06/1993; căn cước công dân số 089093007816; địa chỉ: số G, tổ B, ấp M, xã N, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Phạm Thị P trình bày: Bà P với ông Phan Thanh D là vợ chồng có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 243 ngày 21 tháng 10 năm 2022 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh An Giang. Từ khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc, nhưng hiện nay vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Hiện nay, tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trầm trọng, nhận thấy không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân được nữa, việc tiếp tục chung sống chỉ làm khổ cả hai người. Vì vậy, bà P làm đơn này kính mong Quý Tòa xem xét giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Phan Thanh D chấm dứt tình trạng hôn nhân như hiện nay.

Về con chung: Vợ chồng có 1 con chung, tên là Phan Duy M sinh năm 2018. Hiện nay, con chung là Phan Duy M đang sống với bà P, khi ly hôn bà P yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Phan Thanh D không gửi ý kiến cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Phạm Thị P khởi kiện vụ án tranh chấp về ly hôn với ông Phan Thanh D. Ông D có nơi cư trú trên địa bàn xã N, tỉnh An Giang. Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 11-An Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Bà Phạm Thị P có văn bản xin vắng mặt, ông Phan Thanh D đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà Phạm Thị P và ông Phan Thanh D là hợp pháp vì ông bà có đăng ký kết hôn, giấy chứng nhận kết hôn số 243 do Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh An Giang, cấp ngày 21/10/2022. Trong cuộc sống chung vợ chồng ông bà sống không hợp nhau, theo nguyên đơn trình bày vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử thấy rằng bà P xin ly hôn với ông Phan Thanh D, Bà P, ông D sống chung với nhau, mục đích của hôn nhân không đạt được, chính vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của bà P là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cho nên Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà P.

[4] Về quan hệ con chung: Bà Phạm Thị P trình bày là vợ chồng có 01 con chung là cháu Phan Duy M, sinh ngày 08/11/2018. Con chung đang sống chung với bà P, khi ly hôn, bà P yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung. Xét thấy, con chung đang được bà P chăm sóc, nuôi dưỡng, phát triển ổn định. Đồng thời, theo biên bản ghi ý kiến cháu Phan Duy M cháu có nguyện vọng được sống cùng với bà P trong trường hợp bà P, ông D ly hôn. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho con chung, giúp cháu phát triển tốt về thể chất, tinh thần. Hội đồng xét xử giao cháu Phan Duy M cho bà P được tiếp tục nuôi dưỡng theo Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà P không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xét đến.

[5] Về quan hệ tài sản chung: Bà Phạm Thị P khởi kiện xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

[6] Về nợ chung: Bà Phạm Thị P khởi kiện xác định không có nên không xét đến.

[7] Về án phí: Bà Phạm Thị P phải chịu án phí theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào,

- Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị P.

1) Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Phạm Thị P ly hôn với ông Phan Thanh D.

2) Về con chung: Bà Phạm Thị P được tiếp tục nuôi con chung là cháu Phan Duy M, sinh ngày 08/11/2018. Ông Phan Thanh D, không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Phạm Thị P cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Phan Thanh D trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3) Về tài sản chung: Bà Phạm Thị P khởi kiện xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

4) Về nợ chung: Bà Phạm Thị P khởi kiện xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

5) Về án phí: Bà Phạm Thị P phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đồng (Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm nộp án phí đã nộp 300.000đồng (Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002676 ngày 15/06/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Bà Phạm Thị P đã nộp đủ.

6) Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc

thẩm. Đương sự vắng mặt thì thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 11-An Giang;;
- TAND tỉnh An Giang;
- THADS tỉnh An Giang;
- UBND xã Nhơn Mỹ, tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thanh Hùng